

Doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) là những doanh nghiệp có quy mô nhỏ bé về mặt vốn, lao động hay doanh thu. Theo tiêu chí của Ngân hàng Thế giới, doanh nghiệp siêu nhỏ là doanh nghiệp có số lượng lao động dưới 10 người, doanh nghiệp nhỏ có số lượng lao động từ 10 đến dưới 50 người, còn doanh nghiệp vừa có từ 50 đến 300 lao động.

Từ khóa: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, Ngân hàng Thế giới, doanh nghiệp siêu nhỏ.

Các doanh nghiệp nhỏ và vừa giữ vai trò trong như: Thường chiếm tỉ trọng lớn, thậm chí áp đảo trong tổng số doanh nghiệp (Ở VN chỉ xét các doanh nghiệp có đăng ký thì tỉ lệ này là trên 97%). Vì thế, đóng góp của các DNNVV vào tổng sản phẩm (GDP) và tạo việc làm là rất lớn; giữ vai trò ổn định nền kinh tế, nhất là trong những thời kỳ bất ổn về kinh tế; góp phần tạo ra sự năng động cho nền kinh tế; tạo nên ngành công nghiệp và dịch vụ phụ trợ quan trọng; là trụ cột của kinh tế địa phương trong việc đóng góp quan trọng vào thu ngân sách, vào sản lượng và tạo công ăn việc làm.

Xuất phát từ vai trò đó của DNNVV, trong bài viết này chúng tôi phân tích hiện trạng và đề xuất giải pháp tái cấu trúc phù hợp với cạnh tranh hiện nay. Để hoàn thành bài viết này, trước hết tôi sử dụng nguồn số liệu từ các bài viết của các đồng



Tái cấu trúc các doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam hiện nay

PGS.TS. ĐÀO DUY HUÂN & ĐÀO DUY TÙNG

Doanh nghiệp, của cục quản lý doanh nghiệp, của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Hiệp hội các DNNVV Phương pháp sử dụng để viết là phân tích- tổng hợp, đối chiếu – so sánh. Kết quả đạt được của bài viết như sau:

1. Khái quát điểm mạnh của các doanh nghiệp nhỏ và vừa hiện nay

Đến ngày 31/12/2011, cả nước hiện có trên 500.000 doanh nghiệp nhỏ và vừa, chiếm tới 98% số lượng doanh nghiệp với số vốn đăng ký lên gần 2.313.857 tỉ đồng (tương đương 121 tỉ USD). (nguồn Chinhphu.vn)

Hiện các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở VN có quy mô rất nhỏ. Doanh nghiệp vừa có số vốn từ 20 - 100 tỉ đồng (tương đương 1 - 5 triệu USD) sử dụng cao nhất 300 lao động; còn doanh nghiệp nhỏ chỉ có vốn nhiều nhất 20 tỉ đồng, sử dụng nhiều nhất 200

lao động... Dù vậy, các doanh nghiệp vừa và nhỏ tư nhân có hiệu quả đầu tư khá cao so với DNNVV nhà nước.

Năm 2011, các doanh nghiệp nhỏ và vừa đóng góp hơn 40% GDP cả nước, 30% giá trị tổng sản lượng công nghiệp, gần 80% tổng mức bán lẻ, 64% tổng lượng vận chuyển hàng hóa và 100% giá trị sản lượng hàng hóa một số ngành hàng thủ công mỹ nghệ.... Nếu tính cả 133.000 HTX, trang trại và các hộ kinh doanh cá thể thì khu vực này đóng góp vào tăng trưởng tới 60% GDP. Các doanh nghiệp nhỏ và vừa không chỉ đóng góp đáng kể vào sự phát triển kinh tế của đất nước mà còn giúp tạo ra hơn một triệu việc làm mới mỗi năm (trên 50% lao động xã hội); góp phần xóa đói giảm nghèo, tăng cường an sinh xã hội...

Chính phủ đã ban hành Nghị định 56/2009/NĐ-CP về giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Theo đó, loại hình doanh nghiệp này được sự hỗ trợ từ tài

chính, thông tin, đào tạo nhân lực, hỗ trợ để sử dụng khoa học công nghệ... Tháng 5/2010, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 22/NQ-CP triển khai thực hiện Nghị định số 56/2009/NĐ-CP. Những hỗ trợ này đã tạo động lực mới cho sự phát triển của cộng đồng doanh nghiệp nhỏ và vừa.

2. Khái quát những điểm yếu & hạn chế của DN nhỏ và vừa

Do phát triển rất nhanh, nhất là sau khi Luật doanh nghiệp ra đời, nên phần lớn có vốn (vốn tự có, vốn điều lệ...) rất ít, huy động bên ngoài hạn chế, không đủ điều kiện tiếp cận thị trường vốn, năng lực tự huy động thấp..., vì vậy, hiện tại vốn là khó khăn lớn nhất và cũng là điểm yếu nhất của doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Về trình độ công nghệ, do phần lớn là các cơ sở thủ công "đi lên" hoặc có tiếp cận được khoa học, công nghệ nước ngoài thì cũng thuộc thể hệ lạc hậu. Do đó năng suất lao động thấp, chất lượng sản phẩm không cao, khả năng cạnh tranh trên thị trường yếu.

Sự liên kết, liên doanh của các doanh nghiệp nhỏ và vừa là rất hạn chế. Điều này thể hiện trước hết trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, thứ đến trong hợp tác để tạo dựng một tiếng nói chung trên thị trường, hợp tác trong việc mang lại lợi ích kinh tế, môi trường chung cho cộng đồng. Ngoài ra, khả năng quản lý, nhận biết về kinh doanh, văn hóa kinh doanh, trình độ xúc tiến và quảng bá thương mại cũng như lao động hoạt động trong khu vực này... cũng rất hạn chế.

Theo nghiên cứu của VCCI, có đến 75% doanh nghiệp muốn tìm vốn bằng hình thức vay ngân

hàng, nhưng thực chất không phải đơn vị nào cũng tiếp cận được. Đây là một trong những rào cản chính cho khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa, vì không đáp ứng được những yêu cầu của ngân hàng khi vay vốn. Mặt khác do mức lãi suất trần huy động vốn của Ngân hàng Nhà nước là 14% mỗi năm nhưng một số trường hợp đã phá rào nâng lên 15%-19% mỗi năm, kéo theo lãi suất cho vay lên 20-22%. Thậm chí một số ngân hàng còn đặt ra nhiều loại phí, khiến lãi suất có thể lên tới 27%. Đây là rào cản lớn để DNVN vay vốn phát triển SXKD

Vừa qua, Chính phủ đã đồng ý gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) một năm cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp siêu nhỏ, nhưng thực tế các doanh nghiệp này vẫn chưa hết khó khăn về tài chính, do sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ chậm, thậm chí không tiêu thụ được trên thị trường.

Tại hội thảo "Ứng dụng CNTT nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp nhỏ và vừa" do Phòng Thương mại và Công nghiệp VN (VCCI) và Bộ TT&TT tổ chức ngày 22/3/2011, cho thấy dựa theo Chi số ứng dụng CNTT-TT do VCCI công bố năm 2010, thì chỉ có 46% doanh nghiệp sử dụng e-mail trong công việc, hơn 50% cho rằng không có nhu cầu dùng phần mềm quản lý nhân sự, tiền lương cũng như phần mềm quản lý bán hàng... Ngoài ra, khoảng 20% có website riêng (chủ yếu để giới thiệu hình ảnh, sản phẩm, dịch vụ qua mạng), phần lớn vẫn dè dặt với thương mại điện tử vì cho rằng chưa phải là thời điểm

để mua bán qua mạng... Đồng tình với công bố trên của VCCI, bà Christine Zhenwei Qiang – Trưởng bộ phận Kinh tế CNTT của Ngân hàng Thế giới khẳng định: Hầu hết các doanh nghiệp vừa và nhỏ tại các nước đang phát triển như VN vẫn còn ứng dụng chậm chạp, chủ yếu vẫn dùng điện thoại, fax và ứng dụng phần mềm quản lý đơn giản. Nhiều chủ doanh nghiệp không quen với việc điều hành máy tính, cho rằng CNTT chỉ dành cho các doanh nghiệp lớn, còn doanh nghiệp của họ thì có thể điều hành, giao dịch thủ công.

Nguyên nhân khiến cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ khó tiếp cận được với CNTT, theo bà Zhenwei Qiang là do xuất phát từ phía các doanh nghiệp cung cấp ứng dụng, giải pháp CNTT. Các công ty này thường nhắm đến doanh nghiệp lớn – những khách hàng tiềm năng có khả năng chi trả số tiền lớn cho các dịch vụ CNTT phức tạp, thiếu giải pháp phù hợp với điều kiện kinh tế của các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Khảo sát tại TP.HCM cho thấy trong 100% DN thành lập ra thì chỉ 2/3 DN là làm ăn lành mạnh, còn 1/3 DN là hoạt động cầm chừng, chạy theo lợi nhuận, không ổn định, không kế hoạch. Do đó việc đăng ký thành lập DN mới bên cạnh mặt tích cực, lại thể hiện mặt hạn chế như có tên công ty nhưng không hoạt động, thậm chí dùng nó để mua bán hóa đơn tài chính.

Năm 2011, theo số liệu của Bộ KHĐT đã có hơn 48.700 DN giải thể và ngừng đăng ký thuế (cao hơn 20% so với cùng kỳ) do không thể vượt qua thời kỳ lạm phát. Điều đáng nói là phần lớn

đối tượng DN phá sản rơi vào quy mô nhỏ và vừa. Riêng tại TP.HCM, đã có 1.663 DN phải giải thể. Nhưng không có cơ quan nào biết chặt chẽ tình trạng hoạt động thực sự của DN. So với số thành lập mới thì có tới 70-80% là DN giải thể. Vấn đề nằm ở chỗ, đó là các công ty rơi vào trường hợp không chỉ là hoạt động kém hiệu quả mà còn là gian lận thuế, mua bán hóa đơn. Chính những DN này rất khó giải thể vì có ràng buộc thuế, chưa quyết toán được, bên cạnh đó, nhân sự Cục Thuế cũng không thể đáp ứng đủ cho việc làm thủ tục quyết toán thuế cho DN giải thể.

Cục Ứng dụng khoa học công nghệ, Bộ Khoa học & Công nghệ khẳng định, hỗ trợ đổi mới công nghệ cho DNNVV gặp phải khó khăn là vốn. Chẳng hạn thuê 2 chuyên gia khoa học ở Đức về hỗ trợ đã mất 40.000 Euro, thuê 2 chuyên gia Nhật về chuyển giao công nghệ đông lạnh làm tư vấn cũng đã mất 300 triệu đồng, làm chuyển giao mất 60 tỉ đồng. Hàn Quốc mỗi năm mua quyền sử dụng công nghệ 1 tỉ USD và nhà nước chi một nửa. Các chương trình đổi mới công nghệ quốc gia phát triển công nghệ cao đều đề cập nhóm DNNVV nhưng nguồn vốn thì không rõ ràng.

Hạn chế nữa của DNNVV là thuê mặt bằng SXKD, tuyển dụng và giữ chân người tài, giữ chân người lao động, khó khăn về năng lực quản trị, về quản trị tài chính, khó khăn trong phát triển thị trường.

Thêm nữa, mức đóng phí bảo hiểm xã hội hiện nay đã quá cao, với tỉ lệ tới 28% lương. Hiện nhiều DNNVV phải chi 75% doanh thu dành cho chi lương,

cộng thêm 28% lương cho đóng bảo hiểm. DN còn đâu vốn để tái đầu tư sản xuất?

3. Đề xuất giải pháp tái cấu trúc DNNVV nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh

3.1. Minh bạch hoá các thủ tục đăng ký kinh doanh lần đầu để công dân thành lập doanh nghiệp và những thay đổi, bổ sung đăng ký kinh doanh.

Luật doanh nghiệp năm 2005 và các văn bản hướng dẫn cần được tuyên truyền, giải thích đến các tầng lớp nhân dân, chú ý lực lượng lao động trẻ đang lao động, học tập, các hộ gia đình đang kinh doanh quy mô nhỏ.

Ngoài việc niêm yết công khai ở cơ quan đăng ký kinh doanh cần tổ chức huấn luyện đội ngũ tư vấn phát triển doanh nghiệp chuyên trách hoặc cộng tác viên, các chỉ dẫn khai thác tài liệu trên mạng Internet và sao chụp tài liệu, giải đáp thắc mắc qua các kênh thông tin trực tuyến như điện thoại, internet, phát thanh, truyền hình, xuất bản, hội thảo chuyên đề,...

Để thực hiện tốt giải pháp này, cần triển khai một số việc liên quan đến nâng cao năng lực của cơ quan chuyên môn trong hệ thống đăng ký kinh doanh:

3.2. Tháo gỡ khó khăn về mặt bằng sản xuất kinh doanh cho DNNVV bao gồm:

Hoàn thiện pháp lý và nâng cao năng lực quản lý của hệ thống cơ quan đăng ký đất đai trong cả nước nhằm đẩy nhanh tiến độ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và khuyến khích đăng ký các giao dịch về đất; Lập quy hoạch, kế hoạch chi tiết sử dụng đất và công khai các quy hoạch này làm cơ sở cho việc giao đất, cho thuê đất, đấu thầu quyền sử

dụng đất; Xây dựng các cụm khu công nghiệp, thương mại có hạ tầng tốt nhất, đồng thời điều chỉnh các hình thức cho thuê đất. Hỗ trợ các DNNVV có cơ sở sản xuất kinh doanh gây ô nhiễm di dời ra khỏi đô thị, khu dân cư thông qua việc cho phép chuyển quyền sử dụng đất từ đất sản xuất sang đất ở và đất thương mại nhằm mục đích bán và trang trải chi phí di chuyển; Thống kê và thu hồi đất đang hoang hoá, sử dụng không đúng mục đích để tạo quỹ đất cho các doanh nghiệp thuê và có những quy định về bồi hoàn và trả lại quyền sử dụng để quá trình chuyển giao đất công khai thuận lợi hơn. Ví dụ như các doanh nghiệp mua lại quyền sử dụng thỏa thuận thanh toán nếu không sẽ chuyển sang đấu thầu nhằm chống đầu cơ, mua bán chuyển nhượng dự án trái phép.

3.3. Tăng cường khả năng tiếp cận nguồn vốn tín dụng và huy động các nguồn lực hỗ trợ tài chính cho doanh nghiệp nhỏ và vừa:

Nguồn vốn của Nhà nước hỗ trợ cho doanh nghiệp không thể vi phạm cam kết WTO, tức là không hỗ trợ trực tiếp mà hỗ trợ gián tiếp. Cần công khai hình thức hỗ trợ gián tiếp. Với những nguồn lực có trong tay, thông qua các công ty đầu tư tài chính của Nhà nước để mua cổ phần của DNNVV, hoặc mua trái phiếu của DNNVV được phát hành trái phiếu theo dự án. Nghiên cứu việc nhà nước góp vốn thành lập Quỹ hỗ trợ phát triển DNNVV, sửa đổi Quyết định 193 chuyển Quỹ bảo lãnh tín dụng thành Quỹ hỗ trợ phát triển DNNVV: Tăng vốn cấp của ngân sách tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, từ mức tối đa không quá 30% vốn điều lệ lên



50% và có cơ chế tăng giảm nguồn vốn này. Các Quỹ có điều lệ riêng, cần ban hành mẫu hướng dẫn xây dựng điều lệ để các tỉnh thành phố nhanh chóng triển khai.

Nguồn vốn của các ngân hàng thương mại là nguồn vốn quan trọng của DNNVV, Ngân hàng Nhà nước cần chỉ đạo các ngân hàng thương mại xây dựng kế hoạch định hướng cho vay các DNNVV với số dư nợ tín dụng đạt đến trên 60% tổng dư nợ. Ngân hàng thương mại cần tăng cường tiếp thị với tư cách ngân hàng bán lẻ để đáp ứng nhu cầu của DNNVV, có các biện pháp thẩm định món vay, giám sát và đôn đốc thu nợ thay cho việc đòi hỏi các thế chấp cầm cố vượt quá khả năng của DNNVV, phối hợp với quỹ bảo lãnh tín dụng, các quỹ khác và doanh nghiệp có hợp đồng kinh tế để cho vay.

Phát huy vai trò của Quỹ bảo lãnh tín dụng DNNVV. Điều lệ Quỹ cần thể hiện rõ cơ chế góp vốn của các thành viên là DNNVV theo hướng linh hoạt đối với nguồn vốn góp vượt mức tối thiểu. Các thành viên thông qua quỹ để huy động vốn đầu tư các dự án, chuyển hoá vốn của quỹ thành nguồn vốn của DNNVV trên cơ sở thoả thuận việc tăng giám vốn của các thành viên góp vốn như vậy vẫn bảo đảm an toàn của quỹ và thuận lợi cho DNNVV góp vốn công khai vào dự án.

3.4. Hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa:

Thứ nhất, cần có nghiên cứu đầy đủ về lực lượng lao động trong độ tuổi hiện nay bao gồm số lao động đang làm việc, lao động chưa có việc làm, lao động đang được đào tạo đồng thời dự báo số lao động tăng, giảm chuyển dịch hàng năm với cơ cấu theo địa phương, ngành cùng các tiêu chí về chất lượng nguồn nhân lực như văn hoá, học vấn, tâm lý ưa thích việc làm. Từ những số liệu đó kết hợp với các xu hướng phát triển ngành nghề của thế giới kể cả nhu cầu nhập khẩu lao động của một số quốc gia thành viên WTO để dự báo phát triển nguồn nhân lực theo ngành.

Rà soát lại nội dung, điều kiện dạy và học, nghiên cứu đổi mới nội dung, chương trình và phương thức đào tạo tại các trường đại học, cao đẳng và dạy nghề, theo hướng gắn với yêu cầu của hoạt động sản xuất, kinh doanh và dịch vụ, cung cấp cho người học các kiến thức chuyên môn, kỹ năng hành nghề và ý thức trách nhiệm; đưa nhanh công nghệ thông tin vào nội dung đào tạo và quản lý quá trình đào tạo; khuyến khích liên kết giữa các trường đại học, cao đẳng, dạy nghề với các doanh nghiệp để nâng cao khả năng thực hành, cơ hội việc làm của học viên sau khi tốt nghiệp.

Thứ hai, xây dựng vườn ươm DNNVV ở các cơ sở đào tạo.

Có thể bổ sung thêm các môn học về lập nghiệp và khởi sự doanh nghiệp, một số cơ sở đào tạo tiên tiến cần xây dựng các vườn ươm

DNNVV để học sinh, sinh viên có thể thành lập doanh nghiệp ngay tại vườn ươm đó để đi vào thị trường. Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ mô hình này theo hướng xã hội hoá, có sự kết hợp giữa sức lực, vốn của học sinh, sinh viên với vốn của các doanh nghiệp muốn phát triển thành viên, chi nhánh, vốn tín dụng và vốn tài trợ quốc tế.

Để chuyển hoạt động khởi sự DNNVV từ các diễn đàn ra cuộc sống cần có cơ sở ban đầu để học sinh sinh viên hoạt động thực sự, sau đó chuyển tiếp vào thị trường. Có thể xây dựng các Trung tâm hỗ trợ DNNVV ở một số vùng với cơ sở vật chất cần thiết để DNNVV ở vườn ươm hoạt động và chuyển giao tài sản khi DNNVV có địa điểm mới trên thị trường, giới thiệu DNNVV thuê đất khu công nghiệp, làm thành viên doanh nghiệp khác,...

Thứ ba, xã hội hoá dạy nghề, rà soát, bổ sung quy hoạch mạng lưới cơ sở dạy nghề và phân cấp việc cấp giấy phép thành lập các trung tâm đào tạo nghề. Khuyến khích các DNNVV thành lập cơ sở dạy nghề theo hướng liên kết để lao động được học những nghề cơ bản, có khả năng tự học và chuyển đổi nghề.

Thứ tư, lồng ghép nhiệm vụ của các chương trình kinh tế xã hội với việc đào tạo nghề, ví dụ như chương trình khuyến nông, khuyến ngư, khuyến công, chương trình xóa đói giảm nghèo, chương trình hỗ trợ xã khó khăn. Mỗi chương

trình dự án cụ thể ở địa phương đặt ra nhiệm vụ đào tạo, chuyển giao công nghệ với việc thành lập mới DNNVV hoặc bổ sung nguồn nhân lực cho DNNVV. Tranh thủ tối đa hợp tác, kêu gọi tài trợ quốc tế cho đào tạo.

Thứ năm, điều tra, đánh giá hiệu quả các hình thức dạy nghề ở các cơ sở hiện có, phân tích ưu điểm, hạn chế, đề xuất nội dung dạy nghề phù hợp với yêu cầu về lao động có nghề của nền kinh tế.

3.5. Tạo lập môi trường tâm lý xã hội đối với khu vực DNNVV:

- Tuyên truyền vị trí, vai trò và gương doanh nhân có thành tích để nâng cao nhận thức của chính quyền các cấp, cộng đồng dân cư. Thay đổi cách nhìn đối với DNNVV, bỏ mặc cảm về “tư nhân và bóc lột” gắn kết các DNNVV với nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội của địa phương trong đó nhấn mạnh đến giải quyết việc làm, phát huy tiềm năng thế mạnh của địa phương, xây dựng tinh thần kinh doanh của cộng đồng.

- Soạn thảo chuyên đề DNNVV đưa vào chương trình đào tạo tại các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và trường dạy nghề. Tổ chức các buổi sinh hoạt trong cộng đồng về DNNVV, tăng cường giao lưu giữa doanh nhân và sinh viên, học sinh và công dân qua hình thức đối thoại, hội thảo,...

- Xây dựng chương trình văn hoá kinh doanh. Cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành thực hiện việc kiểm tra, uốn nắn các sai sót của DNNVV trong các hoạt động nội bộ doanh nghiệp và trao đổi trên thị trường. Các giải thưởng giành cho doanh nghiệp, doanh nhân cần có tiêu chí về văn hoá ứng xử.

3.6. Hoàn thiện các quy định về chế độ kế toán và thuế:

- Mở rộng phạm vi, đối tượng áp dụng chế độ kế toán cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Nghiên cứu xây dựng phương pháp kế toán đơn giản áp dụng cho các doanh nghiệp nhỏ, trình độ quản lý thấp; đơn giản hoá hệ thống tài khoản

- Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1177/TC/QĐ/CDKT ngày 23/12/1996 và Quyết định số 144/2001/QĐ-BTC theo hướng đơn giản hoá biểu mẫu báo cáo tài chính của doanh nghiệp.

- Đơn giản hoá các quy định về lưu giữ hoá đơn chứng từ đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa theo hướng đối với chứng từ bắt buộc và chứng từ không bắt buộc.

- Hoàn thiện các quy định liên quan đến thuế.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp theo hướng mở rộng đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp; đơn giản hoá phương pháp và căn cứ tính thuế; giảm các trường hợp ưu đãi thuế để đơn giản hoá chính sách ưu đãi, tạo cơ hội cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa dễ tiếp cận và hưởng các ưu đãi.

- Thu hẹp diện nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo phương pháp khoán để khuyến khích các đối tượng nộp thuế khoán thực hiện đăng ký kinh doanh theo Luật doanh nghiệp.

- Mở rộng phạm vi thực hiện cơ chế tự kê khai, tự nộp thuế theo hướng ban hành quy định rõ quyền và trách nhiệm của cơ quan thuế, đối tượng nộp thuế và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong quá trình thu - nộp thuế.

- Nghiên cứu, bổ sung quy định về khấu hao tài sản cố định theo hướng cho phép áp dụng chế độ khấu hao lũy tiến, nhằm khuyến khích các doanh nghiệp, trong đó có doanh

nh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện đổi mới máy móc thiết bị, công nghệ.

- Sửa đổi, bổ sung Nghị định, Thông tư hướng dẫn thực hiện Luật Hải quan theo hướng đơn giản hóa thủ tục và quy trình thông quan hàng hóa, công khai hóa danh mục thuế xuất, nhập khẩu, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa tự kê khai, áp mã, áp giá”.

Chúng ta hiểu đây là cam kết của Chính phủ VN (giao Bộ Tài chính) đối với những vấn đề DNNVV quan tâm. Cần bảo đảm thời gian và phương thức sửa đổi, tiếp thu đầy đủ ý kiến của cộng đồng DNNVV trước khi ban hành.

3.7. Xây dựng hệ thống cung cấp thông tin cho DNNVV:

Bên cạnh các diễn đàn cần thiết lập hệ thống thông tin trong nước với hình thức cung cấp thông tin và trả lời câu hỏi của DNNVV, nâng chất lượng các báo về doanh nghiệp, các trang điện tử, bản tin của các trung tâm hỗ trợ DNNVV ở cấp tỉnh. Mở thêm các đường dây nóng, sử dụng các chuyên gia, công tác viên làm ngoài giờ để tư vấn và cung cấp thông tin cho DNNVV.

Hỗ trợ DNNVV xây dựng thương hiệu, cung cấp các thương hiệu hiện có để DNNVV không đưa ra thương hiệu trùng lặp, chú ý xây dựng som thương hiệu những sản phẩm có sức cạnh tranh.

3.8. Khuyến khích doanh nghiệp vừa và nhỏ ứng dụng CNTT:

Thông qua các hội thảo, hội nghị đào tạo, nhấn mạnh đến những lợi ích mà doanh nghiệp có thể đạt được khi ứng dụng CNTT, để các nhà quản lý doanh nghiệp có thể xác định được chiến lược tổng thể cho công ty. Ngoài ra, các doanh nghiệp cung

cấp ứng dụng, giải pháp CNTT cũng cần chú ý đến đối tượng này, tung ra các chương trình ưu đãi để kích thích ứng dụng.

“Các doanh nghiệp cần phải xem xét hệ thống CNTT là một phần của hạ tầng, cần lựa chọn mô hình ứng dụng phù hợp để trang bị máy tính, phần mềm văn phòng, kết nối Internet, lập website quảng bá thương hiệu..., để dần tiến tới ứng dụng cao hơn như phần mềm quản trị dịch vụ khách hàng, sử dụng chứng thư điện tử, lập web bán lẻ trực tuyến... Ngoài ra, để đảm bảo hoạt động hạn chế bị gián đoạn cũng cần quan tâm tới ứng dụng các biện pháp đảm bảo an toàn, an ninh thông tin”.

3.9. Phát huy nội lực, nâng cao khả năng cạnh tranh của DNNVV:

Đây là hướng cơ bản, lâu dài, thường xuyên đối với chủ doanh nghiệp, ngoài nguồn vốn trên, DNNVV còn nhiều biện pháp huy động vốn trong khuôn khổ pháp luật dân sự và kinh tế. Để tiếp cận các nguồn vốn của các quỹ và ngân hàng, DNNVV phải có vốn đối ứng từ tích lũy vốn bằng tài sản hữu hình và vô hình, bằng uy tín và các mối quan hệ tích cực để bảo đảm vốn kinh doanh. Cụ thể:

Thứ nhất, chủ động xây dựng kế hoạch, chiến lược sản xuất kinh doanh, nghiên cứu áp dụng công nghệ, đổi mới trang thiết bị, tăng năng suất lao động và nâng cao tính cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường. Chấp hành đúng pháp luật, đề cao văn hoá trong kinh doanh. Có kế hoạch đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực quản lý doanh nghiệp, nâng cao nhận thức về xu thế hội nhập và cạnh tranh quốc tế;

chủ động liên kết, hợp tác với các doanh nghiệp trong và ngoài nước để mở rộng sản xuất, kinh doanh, năng lực cạnh tranh.

Quá trình biến đổi, doanh nghiệp sẽ phải đổi mới với công nghệ, sẽ phải đổi mới dứt khoát chứ không phải là sửa đổi nâng cấp công nghệ trong cuộc cạnh tranh này, mặt khác DNNVV phải tổ chức lại quy trình sản xuất, các công đoạn dịch vụ để giảm chi phí đầu vào, rút ngắn chu kỳ sản xuất, cần chủ động

vào khoa học, kỹ thuật, hoặc tự mình đã là nhà khoa học hoặc phải dựa vào nhà khoa học để mua được những công nghệ và thiết bị hiện đại.

Nhìn vào tổng thể DNNVV trong hơn một thập kỷ qua đã bứt phá, dám nghĩ, dám làm. DNNVV sẵn sàng đón nhận những tiến bộ để nâng cao sản lượng và chất lượng sản phẩm trước những thách thức mới của thị trường trong nước và khu vực.

Tăng cường khả năng tiếp cận nguồn vốn tín dụng và huy động các nguồn lực hỗ trợ tài chính cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

xây dựng thương hiệu đặt chỗ đứng trên các thị trường. Có thể nhóm DNNVV cùng xây dựng một nhóm các thương hiệu để tạo ra sức mạnh thị trường, DNNVV có thương hiệu mạnh có thể chia sẻ với những DNNVV chưa có thương hiệu thông qua các hợp đồng phụ công nghiệp, đơn đặt hàng,...

Thứ hai, phát huy nội lực của DNNVV. Bởi vì các hỗ trợ của Nhà nước chỉ là những hành lang pháp lý, nguồn vốn gián tiếp,... mang tính hướng dẫn nhiều hơn là “bà đỡ”. DNNVV cần tranh thủ tối đa hơn là trông đợi. Thực tế chứng minh DNNVV phát triển ổn định bền vững và lớn mạnh là do tự phát huy nội lực và tranh thủ các cơ hội kinh doanh, liên kết với cộng đồng doanh nghiệp, bám sát và phát triển thị trường.

Các nhà doanh nghiệp muốn phát triển sản xuất, ngoài hậu thuẫn của luật pháp còn phải dựa

Các tổ chức hiệp hội mà DNNVV tham gia cần liên kết hệ thống cộng đồng DNNVV với nền kinh tế để đạt được vị trí đối thoại với Chính phủ và thị trường trong và ngoài nước. Các đối thoại với Chính phủ là việc đưa ra những kiến nghị, sáng kiến chung, cách giải quyết các trường hợp vướng mắc phổ biến. Tiến tới các Hiệp hội được Nhà nước giao làm các dịch vụ công nếu có thể đảm nhận tốt.

Thứ ba, DNNVV cần chấp hành pháp luật và cam kết.

Cùng với các hoạt động phát triển, trong mọi trường hợp DNNVV cần tránh vi phạm pháp luật, vi phạm các cam kết để hình ảnh, thương hiệu của mình có uy tín trong cạnh tranh và hội nhập kinh tế quốc tế.

Những thiệt hại do vi phạm pháp luật, thất tín với khách hàng lớn và người tiêu dùng không những tổn thất về kinh tế (do

xử phạt) mà đây là cái cớ để các doanh nghiệp cạnh tranh loại ra khỏi thị trường.

Tuy nhiên, việc chấp hành pháp luật và các cam kết không cản trở tính năng động sáng tạo của DNNVV. Trong luật pháp và thị trường sẽ có những khoảng trống mà không ai nghĩ tới đòi hỏi doanh nghiệp phải tìm đến bằng sự tính toán và đôi chút mạo hiểm. Ví dụ những mặt hàng không cấm, DNNVV sẽ được kinh doanh, những thị trường khó tính DNNVV kiên nhẫn tiếp cận, những sản phẩm thị trường chưa có doanh nghiệp có thể đưa ra, những dịch vụ chưa ai làm doanh nghiệp nên làm cũng như các biện pháp quản lý nội bộ cũng thuộc quyền của DNNVV quy định đối với người lao động.

Thứ tư, DNNVV xây dựng văn hoá kinh doanh.

Giá trị văn hoá truyền thống đã được các doanh nghiệp ở Hàn Quốc, Nhật, Đài Loan phát huy cao độ. Khi các doanh nghiệp có hướng vào giá trị văn hoá thì các giá trị khác cộng hưởng theo. Giá trị văn hoá có thể đúc kết vào sáu chữ “hợp tác, cạnh tranh, phát triển” Biểu hiện của văn hoá đa dạng, phong phú nên mỗi DNNVV vừa có nét chung vừa có nét riêng biệt để tạo hình ảnh và uy tín trên thị trường. Hiện nay chưa có thiết chế văn hoá doanh nghiệp nhưng mỗi DNNVV có thể xây dựng nét văn hoá của riêng với những nội dung sau:

- Xây dựng nội quy nơi làm việc, cụ thể ở mỗi bộ phận, mỗi vị trí công tác phải có bản mô tả chức năng nhiệm vụ và mối quan hệ công việc.

- Xây dựng quy trình sản xuất theo các chứng chỉ về chất lượng để bảo đảm sản phẩm, dịch vụ đưa ra thị trường có chất lượng ổn định.

- Sử dụng triết lý hình thức khẩu hiệu ghi tạc vào mỗi người lao động tinh thần doanh nghiệp.

- Thể nghiệm phong cách kinh doanh theo tinh thần mới, sáng tạo không bắt chước nhưng phù hợp với văn hoá VN. Một số doanh nghiệp áp dụng triết lý của Nhật, hay Hàn Quốc ở những khía cạnh dị biệt xem ra không tác dụng, ví dụ như dùng hình nộm, ảnh người lãnh đạo doanh nghiệp ở phòng kín để nhân viên vào xả “stress”

- Văn hoá DNNVV có lẽ dồn về hình mẫu sản phẩm và phong cách giao dịch, bán hàng, các DNNVV của Hàn Quốc đã đạt đến mức văn hoá dân tộc khi sản phẩm dịch vụ của họ không lời giới thiệu, không nhãn mác người ta vẫn nhận thấy sản phẩm đó xuất xứ từ Hàn quốc, tương tự nhiều quốc gia cũng đạt đến ngưỡng đó bằng cách không làm sản phẩm giống nước khác về kiểu dáng, màu sắc, công dụng,...

- Để hình thành văn hoá doanh nghiệp, ngay từ đầu người chủ DNNVV cần ý thức được giá trị bền vững của văn hoá, không tự ti, không áp đặt mà gương mẫu. Các tổ chức đoàn thể trong DNNVV cần nêu cao tinh thần văn hoá, tham gia giáo dục, vận động người lao động hướng vào giá trị nhân văn từ nội bộ doanh nghiệp đến thị trường mà doanh nghiệp tham gia.

4. Kết luận

Do vai trò quan trọng của doanh nghiệp nhỏ và vừa, nhiều quốc gia đã chú trọng công tác khuyến khích loại hình doanh nghiệp này phát triển. Thực tế cho thấy DNNVV VN cũng chỉ phát triển

manh trong những lĩnh vực có tỉ suất lợi nhuận khiêm tốn, công nghệ thấp do không có lợi thế về quy mô (tiềm lực tài chính, địa bàn hoạt động, thị phần...). Đến năm 2020, DNVN vẫn có vai trò to lớn đối với tăng trưởng nền kinh tế VN, để phát triển bền vững, các hỗ trợ mang tính thể chế để khuyến khích bao gồm: các hỗ trợ nhằm tạo ra một môi trường kinh doanh thuận lợi (xây dựng và ban hành các luật về doanh nghiệp nhỏ và vừa, tạo thuận lợi trong cấp giấy phép, cung cấp thông tin, v.v.), những hỗ trợ bồi dưỡng năng lực doanh nghiệp (đào tạo nguồn lực quản lý, hỗ trợ về công nghệ, v.v.), và những hỗ trợ về tín dụng (thành lập ngân hàng chuyên cho doanh nghiệp nhỏ và vừa vay, bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp, thành lập các công ty đầu tư mạo hiểm, v.v.), và những hỗ trợ khác (như mặt bằng kinh doanh)... Các DN cần tập trung vào các vấn đề như lựa chọn mục tiêu kinh doanh phù hợp với khả năng, ổn định, củng cố thị phần đã có, tìm cách phát triển thị trường mới, tạo sự khác biệt trong kinh doanh, phải tự vận động và liên kết để hợp tác kinh doanh ●

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bài viết đăng trên các Website của Chính phủ, các Bộ và các tác giả.
Cục Phát triển DN, Bộ Kế hoạch và Đầu tư
Phạm Huyền, Diễn đàn kinh tế VN
Hiệp hội DNNVV VN